

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN D  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số:08/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 03-7-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội H xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Kim Dũng

Ông Phạm Thanh Giản

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 352/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nông Thị L, nơi cư trú: Tổ 13, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc H, nơi cư trú: Tổ 13, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nông Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn** Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan

điểm dẫn tới xảy ra xô xát, cãi vã. Khi vợ chồng mâu thuẫn, anh H đã có hành vi xúc phạm chị. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về vật chất và tinh thần. Chị và anh H đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 13-12-2010 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13-9-2012. Hiện tại hai con đang ăn ở sinh hoạt với anh H và ông bà nội ổn định, chị phải thuê nhà trọ ở nên chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh H nuôi dưỡng. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh H 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Ngọc H nhưng anh H không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị L.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị L và anh H sinh sống, qua lời khai của bà Lê Thị Huê là mẹ đẻ của anh H đều xác định: Hiện nay, chị L và anh H đều cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, chị L và anh H có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng và gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị L và anh H có 02 con chung, các cháu còn nhỏ và hiện tại đang ở với anh H. Hai cháu vẫn ăn ở sinh hoạt ổn định, cùng anh H và ông bà nội. Tại biên bản ghi lời khai, các cháu Nguyễn Ngọc P và cháu Nguyễn Ngọc T đều trình bày có nguyện vọng tiếp tục ở với anh H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh H. Về con chung, đề nghị giao cả hai con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh H 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị L được ly hôn anh H. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của L, giao cho anh H trực tiếp nuôi hai con chung, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con với anh H 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung vợ chồng, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nông Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh H cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở L phiên tòa lần thứ hai và tổng đạt hợp lệ cho anh H nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nông Thị L và anh Nguyễn Ngọc H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh P đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi chị L và anh H cư trú xác định: Chị L và anh H có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Chị L làm đơn ly hôn, anh H không cung cấp lời khai về việc ly hôn, cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải cho anh H nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa Lận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày: 13-12-2010 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày: 13-9-2012. Tại đơn khởi kiện, chị L đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc T cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa chị L đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi cả hai con và chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con với anh H 2.000.000 đồng/tháng. Về đề nghị của chị L giao hai con chung cho anh H tiếp tục nuôi, Hội đồng xét xử thấy, qua xác minh tại gia đình anh H, lời trình bày của hai cháu Nguyễn Ngọc P và cháu Nguyễn Ngọc T thấy: Các cháu đang ăn ở, học tập, sinh hoạt ổn định tại gia đình anh H, các điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc các cháu đều đảm bảo có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh H, chị L là công nhân đang phải thuê nhà trọ, không có chỗ ăn ở ổn định. Yêu cầu của chị L về việc giao cả hai con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp và nguyện vọng của con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần giao hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc P và cháu Nguyễn Ngọc T cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị L có đề nghị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh H là 2.000.000 đồng/tháng (cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc P 1.000.000 đồng/tháng, cho cháu Nguyễn Ngọc T 1.000.000 đồng/tháng) từ tháng 7-2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự tự nguyện của chị L phù hợp với điều kiện thực tế và quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung:

[5] Chị Nông Thị L và anh Nguyễn Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Nông Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị Nông Thị L và anh Nguyễn Ngọc H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 207, điều 227, điều 228 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày: 13-12-2010 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày: 13-9-2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nguyễn Ngọc H 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, trong đó, cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc P 1000.000 (một triệu) đồng/tháng, cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc T 1000.000 (một triệu) đồng/tháng kể từ tháng 7-2020 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị; trường hợp chị Nông Thị L chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nông Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tòa án đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2014/0014330 ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị Nông Thị L còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND quận D;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TANDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H (ĐKKH số 03/2010);

**TM. HỘI HUẤN XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**Vũ Văn Thắng**